

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: State Securities Commission;
Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Name of organization: HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock Symbol: HID

- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Address: Floor No.09, Hoa Binh Tower, No.106 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi City

- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 024 3562 4709

- Email: info@halcom.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure: Báo cáo tài chính riêng bán niên năm tài chính 2026 đã được soát xét – Bản Tiếng Việt / Reviewed separate semi-annual financial statements for fiscal year 2026 – Vietnamese version.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/8/2026 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

This information was disclosed on the Company's website on August 28th, 2026 at the following link: <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is true and accurate and we take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
Báo cáo tài chính riêng bán niên năm
tài chính 2026 đã được soát xét – Bản
Tiếng Việt / Reviewed separate semi-
annual financial statements for fiscal
year 2026 – Vietnamese version.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBT/
Person authorized to disclose information



Nguyễn Thu Trang/
Nguyen Thu Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHUỖ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 38



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Năng Liễn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2026)
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tiến Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2026)
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2026)

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 259 /VACO/BCSX/NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính riêng giữa niên độ").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 32 Phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 3 năm 2026 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang do không đánh giá được tính hợp lý của giao dịch, cũng như tính hiện hữu và khả năng thu hồi của khoản phải thu liên quan đến việc tạm ứng thực hiện dự án Trồng cây được liệu Nhị Hà Solar Farm trị giá 249,9 tỷ VND và vấn đề nhấn mạnh về việc Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc - Công ty con gián tiếp của Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác vàng gốc khu vực Nậm Kha Á. Các vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty do khoản phải thu đã được thu hồi và Công ty đang có kế hoạch tái cấu trúc và sắp xếp lại các khoản đầu tư (chi tiết tại Thuyết minh số 06 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ).

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét đề ngày 09 tháng 12 năm 2025 đưa ra kết luận kiểm toán chấp nhận toàn phần. Do khác biệt về kỳ kế toán nên các số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được lập và phát hành đồng thời cùng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; theo đó, để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKIIN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.604.095.354	153.478.713.921
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		644.151.427	3.017.829.830
1. Tiền	111	5	644.151.427	3.017.829.830
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	20.811.584.930	20.196.742.466
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.811.584.930	20.196.742.466
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.889.238.183	126.116.924.524
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	27.278.211.327	9.460.399.020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	82.253.124.103	77.932.892.956
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	19.634.785.975	38.874.690.199
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	10	(6.276.883.222)	(151.057.651)
IV. Hàng tồn kho	140		934.093.725	650.598.145
1. Hàng tồn kho	141	11	934.093.725	650.598.145
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.325.027.089	3.496.618.956
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	13	1.200.466.545	567.950.313
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		3.124.560.544	2.928.668.643
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.090.776.309.451	1.027.363.336.113
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		397.401.000	397.401.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	9	397.401.000	397.401.000
II. Tài sản cố định	220		228.079.496.477	1.507.975.871
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	228.079.496.477	1.507.975.871
- Nguyên giá	222		234.784.412.423	6.320.518.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.704.915.946)	(4.812.543.090)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250	12	13.899.700.279	216.141.655.785
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		13.899.700.279	216.141.655.785
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260	6	840.708.355.461	800.750.784.101
1. Đầu tư vào công ty con	261		829.196.637.547	829.196.637.547
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		87.619.992.656	87.619.992.656
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(76.108.274.742)	(116.065.846.102)
V. Tài sản dài hạn khác	270		7.691.356.234	8.565.519.356
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	7.691.356.234	8.565.519.356
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.240.380.404.805	1.180.842.050.034

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		441.234.422.904	398.369.344.370
I. Nợ ngắn hạn	310		190.654.422.904	164.810.095.031
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	23.740.830.632	21.871.637.861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.027.879.000	4.450.592.820
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	8.426.724.249	3.562.247.182
4. Phải trả người lao động	315		2.146.891.825	1.648.105.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		10.112.544.224	1.804.922.274
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	3.588.280.597	42.421.900.732
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	139.717.426.396	87.156.843.131
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.893.845.981	1.893.845.981
II. Nợ dài hạn	330		250.580.000.000	233.559.249.339
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	18	250.580.000.000	233.559.249.339
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	799.145.981.901	782.472.705.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		767.650.320.000	767.650.320.000
2. Thặng dư vốn	412		536.587.297	536.587.297
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(58.859.397)	(58.859.397)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.977.138.897	12.303.862.660
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		12.303.862.660	21.802.532.306
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		16.673.276.237	(9.498.669.646)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.240.380.404.805	1.180.842.050.034

Tô Thị Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		154.264.760.687	230.592.922.069
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	154.264.760.687	230.592.922.069
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	142.475.848.319	118.412.458.087
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.788.912.368	112.180.463.982
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	23	1.547.309.413	119.100.534
6. Chi phí tài chính	23	24	(27.803.156.719)	26.841.131.161
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		10.693.115.681	3.594.080.632
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	19.591.066.156	24.015.380.274
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 26)}	30		21.548.312.344	61.443.053.081
9. Thu nhập khác	31		5.918.350	105.057
10. Chi phí khác	32		62.959.074	23.021.696
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(57.040.724)	(22.916.639)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.491.271.620	61.420.136.442
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.817.995.383	12.317.946.428
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		16.673.276.237	49.102.190.014


Tô Thị Minh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	21.491.271.620	61.420.136.442
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.892.372.856	226.573.998
- Các khoản dự phòng	03	(33.831.745.789)	21.975.348.555
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(1.547.309.413)	(119.100.531)
- Chi phí đi vay	06	10.693.115.681	3.594.080.632
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.302.295.045)	87.097.039.093
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.094.031.131)	(72.950.270.153)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(283.495.580)	2.500.599.167
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(26.292.138.318)	217.677.638.577
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	241.646.890	54.373.652
- Chi phí đi vay đã trả	14	(8.800.714.719)	(2.723.393.834)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(301.384.675)	(1.585.578.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.832.412.578)	230.070.408.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(33.055.066.700)	(186.997.563.724)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.943.500.000)	(7.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.210.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(83.440.400.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.665.966.949	119.100.534
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.122.599.751)	(277.918.863.190)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	175.028.911.977	172.659.612.536
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(105.447.578.051)	(128.984.594.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	69.581.333.926	43.675.017.613
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.373.678.403)	(4.173.437.315)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.017.829.830	4.639.080.179
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	644.151.427	465.642.864

Tô Thị Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101143879 ngày 02 tháng 7 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 05 tháng 11 năm 2025.

Công ty có trụ sở tại Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 767.650.320.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 35 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 47 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình; giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Lợi nhuận trong kỳ của Công ty chủ yếu đến từ việc hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào Công ty con do Công ty con thu hồi được các khoản phải thu và các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Tên Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Hà Nội	96,88%	96,88%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Gia Lai	51,00%	51,00%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần nước Thuận Thành	Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Quảng Trị	96,15%	96,15%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Cần Thơ	99,28%	99,28%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc	Hà Nội	98,00%	98,00%	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	Phnôm Pênh	100,00%	100,00%	Bán buôn vật liệu, dụng cụ xây dựng
Tên Công ty con gián tiếp				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	Lai Châu	50,24%	51,00%	Khai thác quặng kim loại quý hiếm

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến 30 tháng 6 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia nêu trên, được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi công ty nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm:

Chi phí đền bù, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định thể hiện số tiền thuê văn phòng làm việc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các chi phí thuê chờ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí mua bảo hiểm thể hiện số tiền mua bảo hiểm: Bảo hiểm sức khỏe, hỏa hoạn, vật chất xe... mà Công ty đã mua một lần cho nhiều kỳ kế toán, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chi phí xây dựng quy trình hệ thống Công ty... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng của kỳ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	644.151.427	3.017.829.830
Cộng	644.151.427	3.017.829.830

(*) Trong đó:

- Ngân hàng TMCP Quân đội	605.309.606	204.959.524
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.598.035	2.444.204.675
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.102.698	343.237.666
- Ngân hàng khác	28.141.088	25.427.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn là bên liên quan	20.811.584.930	20.811.584.930	-	20.196.742.466	20.196.742.466	-
- Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung - Gốc vay (i)	19.433.500.000	19.433.500.000	-	19.700.000.000	19.700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung - Lãi dự thu (i)	319.454.794	319.454.794	-	496.742.466	496.742.466	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc - Gốc vay (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc - Lãi dự thu (ii)	58.630.136	58.630.136	-	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản cho vay theo các kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 12% đến 20%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản cho vay theo kế ước nhận nợ số 16032026, số tiền vay nợ 1.000.000.000 VND, thời hạn vay từ ngày 16 tháng 3 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, với lãi suất 20%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng (Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty con	829.196.637.547	-	75.951.825.562	829.196.637.547	-	115.949.931.375
- Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Halcom - Hậu Giang	276.000.000.000	(*)	50.167.263	276.000.000.000	(*)	27.847.661.446
- Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc	245.000.000.000	(*)	384.577.727	245.000.000.000	(*)	325.340.425
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	152.883.207.547	(*)	16.341.840.168	152.883.207.547	(*)	27.432.798.949
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	150.100.750.000	(*)	57.480.175.416	150.100.750.000	(*)	58.769.049.264
- Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	2.421.880.000	(*)	1.422.821.909	2.421.880.000	(*)	1.377.979.077
- Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	2.000.000.000	(*)	22.561.155	2.000.000.000	(*)	-
- Halcom (Cambodia) Co., Ltd	790.800.000	(*)	249.681.924	790.800.000	(*)	197.102.214
b) Đầu tư vào đơn vị khác	87.619.992.656	-	156.449.180	87.619.992.656	-	115.914.727
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc (i)	87.619.992.656	(*)	156.449.180	87.619.992.656	(*)	115.914.727

Ghi chú:

Trong kỳ, Công ty thực hiện hoàn nhập một số khoản đầu tư vào Công ty con, chi tiết tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Theo Nghị quyết số 16/2026/NQ-HDQT/HALCOM ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng Quản trị về việc chủ trương rà soát, tái cơ cấu danh mục đầu tư, Hội đồng Quản trị phê duyệt chủ trương rà soát đánh giá, sắp xếp và tái cơ cấu danh mục đầu tư của Công ty, bao gồm các khoản đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, các khoản góp vốn, dự án đầu tư và các khoản đầu tư khác. Việc tái cơ cấu tập trung vào các khoản đầu tư có hiệu quả thấp, không phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Tóm tắt tình hình hoạt động các Công ty con và Đầu tư vào đơn vị khác:

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025
- Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Halcom - Hậu Giang	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 4 năm 2026, vốn điều lệ 278 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.	Hoạt động kinh doanh lãi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
- Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/01/2026. Vốn điều lệ 250 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2023. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	Hoạt động kinh doanh lãi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
- Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/11/2023. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.	Hoạt động kinh doanh lãi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. Thay đổi lần thứ 3 ngày 10/3/2026, vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 31/25/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 28/11/2025, Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ giảm vốn xuống còn 2,5 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: xây dựng. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Tóm tắt tình hình hoạt động các Công ty con và Đầu tư vào đơn vị khác (Tiếp theo):

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025
- Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021, với số vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HDQT/HALCOM ngày 27/11/2025, công ty giảm vốn xuống 2.080.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
- Halcom (Cambodia) Co., Ltd	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1004866108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp ngày 01/04/2025. Vốn điều lệ 750.000 USD, tương đương 19.305.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính: xuất nhập khẩu và bán buôn hàng hóa thiết bị...	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200026126 ngày 13/7/2009. Thay đổi lần thứ 9 ngày 16/9/2025, vốn điều lệ 128 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác quặng kim loại quý hiếm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp Quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác vàng gốc khu vực Nậm Kha Á, thuộc xã Mù Cá, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là xã Mù Cá, tỉnh Lai Châu).	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	27.178.211.327	1.673.840.435	9.060.399.020	151.057.651
- Công ty Cổ phần Fumee Tech	8.193.462.750	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Hưng An	5.242.919.700	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Thương mại MCC	4.120.262.052	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Thịnh Vượng	2.705.000.000	811.500.000	2.705.000.000	-
- Công ty TNHH Growth Levers Ventures Việt Nam	1.069.200.000	106.920.000	1.069.200.000	-
- Ban QLDA đầu tư xây dựng phường Phố Hiến	1.266.967.986	-	1.266.967.986	-
- Công ty TNHH Growth Levers Việt Nam	972.000.000	291.600.000	972.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.608.398.839	463.820.435	3.047.231.034	151.057.651
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	100.000.000	-	400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	100.000.000	-	400.000.000	-
Cộng	27.278.211.327	1.673.840.435	9.460.399.020	151.057.651

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	80.658.112.765	-	76.578.292.956	-
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội (i)	69.800.000.000	-	75.600.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.858.112.765	-	978.292.956	-
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	1.595.011.338	-	1.354.600.000	-
- Halcom (Cambodia) Co., Ltd	1.354.600.000	-	1.354.600.000	-
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	240.411.338	-	-	-
Cộng	82.253.124.103	-	77.932.892.956	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội theo Hợp đồng số 801/2025/HĐEPC/HAL-NNH ngày 01 tháng 8 năm 2025 về thiết kế, mua sắm vật tư và thiết bị, thi công xây dựng và lắp đặt Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội Giai đoạn 2 và Hợp đồng số 801A/2025/HĐO&M/HAL-NNH ngày 01 tháng 8 năm 2025 về Đào tạo và quản lý vận hành Nhà máy nước Khu Kinh tế Nhơn Hội giai đoạn 1.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	19.634.785.975	4.603.042.787	38.874.690.199	-
- Phải thu tạm ứng cho nhân viên	792.025.120	-	305.655.297	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
- Phải thu khác	18.824.760.855	4.603.042.787	38.551.034.902	-
- Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (i)	18.784.355.957	4.603.042.787	38.282.355.957	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc - Bền liên quan	-	-	250.000.007	-
- Các đối tượng khác	40.404.898	-	18.678.938	-
b) Dài hạn	397.401.000	-	397.401.000	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	397.401.000	-	397.401.000	-

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Biên bản thanh lý ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14 tháng 5 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>- Tổng giá trị các khoản phải thu, Cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	<i>23.851.611.383</i>	<i>17.574.728.161</i>		<i>41.138.413.608</i>	<i>40.987.355.957</i>	
Công ty Cổ phần An Lạc Sơn	18.784.355.957	14.181.313.170	Trên 6 tháng	38.282.355.957	38.282.355.957	
Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Thịnh Vượng	2.705.000.000	1.893.500.000	Trên 6 tháng	2.705.000.000	2.705.000.000	
Ban Quản lý Dự án Lưới điện	48.361.364	-	Trên 3 năm	48.361.364	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	2.313.894.062	1.499.914.991		102.696.287	-	

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	934.093.725	-	650.598.145	-
- Phát triển thành phố Xanh loại II	588.426.660	-	-	-
- Tư vấn đánh giá sự tuân thủ về môi trường và xã hội các khu TĐC và cập nhật kế hoạch TĐC của dự án	135.539.095	-	114.929.091	-
- Dự án Điện gió Long Mỹ I	120.370.370	-	120.370.370	-
- Tư vấn giám sát thực hiện Kế hoạch đền bù tái định cư & phát triển dân tộc thiểu số thuộc DA: Đường dây 500/220kW Nho Quan - Phú Lý - Thường Tín	89.757.600	-	89.757.600	-
- Giám sát độc lập môi trường và TĐC - DA PT tổng hợp các đô thị động lực TP Hải Dương	-	-	202.578.296	-
- Dự án Lào: Dự án Quản lý bền vững Cơ sở hạ tầng nông thôn và Khu vực đầu nguồn cho Bộ Nông lâm nghiệp Lào	-	-	122.962.788	-
Cộng	934.093.725	-	650.598.145	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	13.899.700.279	13.899.700.279	216.141.655.785	216.141.655.785
+ Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội	-	-	204.315.863.947	204.315.863.947
+ Dự án Phương Mai 3 - Resort	6.597.490.470	6.597.490.470	6.597.490.470	6.597.490.470
+ Dự án điện rác Hà Nội	2.621.477.298	2.621.477.298	553.068.093	553.068.093
+ Các dự án khác	4.680.732.511	4.680.732.511	4.675.233.275	4.675.233.275
Cộng	13.899.700.279	13.899.700.279	216.141.655.785	216.141.655.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.200.466.545	567.950.313
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	1.091.034.500	406.315.500
- Chi phí mua bảo hiểm	34.196.660	107.264.828
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	736.360	15.018.062
- Các khoản chi phí khác	74.499.025	39.351.923
b) Dài hạn	7.691.356.234	8.565.519.356
- Chi phí đền bù đất Nhon Hội	7.314.109.276	8.037.482.721
- Chi phí xây dựng quy trình, hệ thống Công ty	279.555.564	378.222.228
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	69.957.574	100.675.264
- Chi phí mua bảo hiểm	17.104.745	22.840.366
- Các khoản chi phí khác	10.629.075	26.298.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
- Mua trong kỳ	-	24.774.487.393	-	-	24.774.487.393
- Đầu tư XDCB hoàn thành	203.689.406.069	-	-	-	203.689.406.069
Số dư cuối năm	203.689.406.069	24.880.171.809	6.182.389.090	32.445.455	234.784.412.423
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	105.684.416	4.674.413.219	32.445.455	4.812.543.090
- Khấu hao trong kỳ	1.347.805.037	317.993.821	226.573.998	-	1.892.372.856
Số dư cuối kỳ	1.347.805.037	423.678.237	4.900.987.217	32.445.455	6.704.915.946
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	1.507.975.871	-	1.507.975.871
- Tại ngày cuối kỳ	202.341.601.032	24.456.493.572	1.281.401.873	-	228.079.496.477

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1.281.401.873 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.507.975.871 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1.789.038.961 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.789.038.961 VND).

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá VND
Tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu	
Tuyến ống cấp nước nhà máy nước Nhơn Hội	46.764.394.015
Khu xử lý nước nhà máy nước Nhơn Hội	46.612.765.342
Hồ lắng sơ bộ nhà máy nước Nhơn Hội	30.440.709.439
Các tài sản cố định hữu hình khác	110.966.543.628
Cộng	234.784.412.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Tổng công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	12.966.528.668	21.256.401.912
- Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Quốc tế AVICC	8.183.403.250	-
- Các đối tượng khác	2.590.898.714	615.235.949
Cộng	23.740.830.632	21.871.637.861

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp	3.562.247.182	5.757.098.043	892.620.976	8.426.724.249
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.083.309.097	-	-	3.083.309.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.032.492	4.817.995.383	301.384.675	4.668.643.200
Thuế thu nhập cá nhân	311.154.174	588.401.035	444.037.462	455.517.747
Các loại thuế khác	15.751.419	289.403.106	85.900.320	219.254.205
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	61.298.519	61.298.519	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

17. PHẢI TRẢ KHÁC NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	44.854.411	2.208.661
- Bảo hiểm xã hội	95.156.800	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.448.269.386	42.419.692.071
- Công ty Cổ phần - Trung tâm phân tích và Môi trường	3.240.000.000	-
- Nguyễn Hồng Giang	-	32.619.992.656
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	-	9.638.067.780
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc - Bến liên quan	46.620.000	46.620.000
- Đối tượng khác	161.649.386	115.011.635
Cộng	3.588.280.597	42.421.900.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	Trong kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)
		Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	139.117.426.396	157.408.161.316	105.447.578.051	87.156.843.131
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ (i)	63.693.672.936	81.422.407.856	51.720.524.203	33.991.789.283
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (ii)	44.225.753.460	44.225.753.460	44.505.053.848	44.505.053.848
Bà Nguyễn Như Quỳnh (iii)	19.878.000.000	26.100.000.000	6.222.000.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Ánh (iv)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.320.000.000	5.660.000.000	3.000.000.000	7.660.000.000
- Ngân hàng TCMP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (v)	10.320.000.000	5.660.000.000	3.000.000.000	7.660.000.000
b) Các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan	600.000.000	600.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành (vi)	600.000.000	600.000.000	-	-
Cộng vay ngắn hạn	139.717.426.396	158.008.161.316	105.447.578.051	87.156.843.131
c) Vay dài hạn	150.580.000.000	22.680.750.661	5.660.000.000	133.559.249.339
Ngân hàng TCMP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (v)	150.580.000.000	22.680.750.661	5.660.000.000	133.559.249.339
d) Các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần nước Thuận Thành (vii)	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Cộng vay dài hạn	250.580.000.000	22.680.750.661	5.660.000.000	233.559.249.339

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 357983.25.004.708626.TD ngày 11/12/2025, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện, thiết bị ngành nước, vật liệu xây dựng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 19/11/2026. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản bảo đảm là căn hộ chung cư, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/135099/HĐTD ngày 25/3/2026, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất của các khoản vay có số dư đến hiện tại đang được xác định là 8,8%. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Quang Huân và các xe ô tô con Lexus RX 350, Toyota, Mercedes-Benz GLE4004Matic của Công ty.
- (iii) Khoản vay theo các Hợp đồng vay tiền số 12032026 ngày 12/3/2026, tổng số tiền vay 21.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ 12/03/2026 - 12/06/2026, lãi suất 20%/năm. Phụ lục gia hạn số PL01 - KU12032026 ngày 12/6/2026 gia hạn thời hạn vay đến ngày 12/12/2026 và Hợp đồng vay tiền số 05032026 ngày 05/3/2026, tổng số tiền vay 5.100.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 05/3/2026 - 05/6/2026, lãi suất 20%/năm. Phụ lục gia hạn số PL01 - KU05032026 ngày 05/6/2026 gia hạn thời hạn vay đến ngày 05/7/2026. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iv) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Anh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/3/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ ngày 20/3/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng số 05 gia hạn khoản vay đến 15/12/2025 và lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng số 06 gia hạn khoản vay đến 15/12/2026 và lãi suất giữ nguyên 10%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (v) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDADT/NHCT142-HALCOM ngày 06/8/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa là 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Trong năm 2026, Lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản N và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:

Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.

Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị và phụ kiện đi kèm đồng bộ hình thành trong tương lai liên quan đến Dự án Hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (Giai đoạn I); các tài sản gắn liền với Thửa Đất tại Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 949920; toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến Dự án.

- (vi) Khoản vay được xác định theo kế ước nhận nợ số 15062026/TT-CWP ký ngày 15/6/2026 với lãi suất áp dụng cho khoản vay là 12%. Thời hạn vay dự kiến là 31/12/2026 hoặc có các thỏa thuận khác của hai bên. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (vii) Đây là khoản nhận góp vốn để thực hiện Hợp tác đầu tư phát triển dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội theo Hợp đồng số 0108/2025/BCC ngày 01/8/2025. Thời gian hợp tác là 10 năm. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được chia vào năm thứ 3 với lãi suất 10%, các năm tiếp theo sẽ ký phụ lục Hợp đồng điều chỉnh và do hai bên thỏa thuận tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khoản vay dài hạn của Công ty có lịch trả nợ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.320.000.000	7.660.000.000
Trong năm thứ hai	12.320.000.000	11.320.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.960.000.000	45.960.000.000
Sau năm năm	189.300.000.000	176.279.249.339
Cộng	260.900.000.000	241.219.249.339
<i>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng</i> <i>(đã được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>10.320.000.000</i>	<i>7.660.000.000</i>
Số phải trả sau 12 tháng	250.580.000.000	233.559.249.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (01/04/2025)	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	21.802.532.306	791.971.375.310
- Lãi trong năm trước (Trình bày lại)	-	-	-	-	(9.498.669.646)	(9.498.669.646)
Số dư đầu năm nay (31/12/2025)	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	12.303.862.660	782.472.705.664
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	16.673.276.237	16.673.276.237
Số dư cuối kỳ này	<u>767.650.320.000</u>	<u>536.587.297</u>	<u>(58.859.397)</u>	<u>2.040.795.104</u>	<u>28.977.138.897</u>	<u>799.145.981.901</u>

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.765.032	76.765.032
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	8.711	8.711
- Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tài sản thuê ngoài

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	1.777.799.600	1.679.954.050
- Từ 1 năm đến 5 năm	700.666.500	2.478.466.100
Cộng	2.478.466.100	4.158.420.150

b) Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dollar Mỹ (USD)	299,67	289,40
Euro (EUR)	233,78	233,78

21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026</u>	<u>Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	150.796.006.431	112.512.377.506
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.468.754.256	118.080.544.563
Cộng	154.264.760.687	230.592.922.069

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026</u>	<u>Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	140.697.767.410	107.849.034.432
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.778.080.909	10.563.423.655
Cộng	142.475.848.319	118.412.458.087

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026</u>	<u>Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.547.309.413	119.100.534
Cộng	1.547.309.413	119.100.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN DỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025
	VND	VND
Chi phí đi vay	10.693.115.681	3.594.080.632
(Hoàn nhập)/Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con (i)	(39.957.571.360)	22.160.674.794
Chi phí tài chính khác	1.461.298.960	1.086.375.735
Cộng	(27.803.156.719)	26.841.131.161

Ghi chú:

Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Halcom - Hậu Giang hoàn nhập 27.797.494.183 VND, do Công ty con thu hồi được khoản phải thu khác của các cá nhân với số tiền là 28 tỷ VND.
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành hoàn nhập 11.090.958.781 VND, do Công ty con thu hồi được các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.446.218.063	16.650.717.490
- Chi phí đồ dùng văn phòng	81.043.688	116.612.735
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.892.372.856	226.573.998
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	6.125.825.571	(185.326.239)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.770.143.960	3.892.545.673
- Chi phí bằng tiền khác	1.275.462.018	3.314.256.617
Cộng	19.591.066.156	24.015.380.274

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	116.612.735
- Chi phí nhân công	8.288.515.183	24.533.198.931
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.892.372.856	226.573.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.274.033.482	4.282.937.148
- Chi phí khác bằng tiền	1.788.399.973	3.571.951.300
- Chi phí dự phòng	6.125.825.571	(185.326.239)
Cộng	21.369.147.065	32.545.947.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.491.271.620	61.420.136.442
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (+)	2.598.705.300	169.595.696
- Chi phí không được trừ	2.598.705.300	169.595.696
- Thu nhập chịu thuế	24.089.976.920	61.589.732.138
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.817.995.383	12.317.946.428

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Halcom (Cambodia)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	Công ty con gián tiếp
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Vợ của ông Nguyễn Việt Dũng - Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Hân	Anh trai của ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Kim Anh	Vợ của ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quang Hưng	Con trai của ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch HĐQT
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt
Người quản lý khác	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Ngoài các số dư và giao dịch đã trình bày tại Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 17, 18 và 19, trong kỳ, Công ty còn có một số giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025
	VND	VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	277.777.776	6.489.274.776
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	277.777.776	277.777.776
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	6.211.497.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.256.932.217	1.084.417.483
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	2.061.296.061	-
Bà Vũ Thị Minh Hằng	295.747.322	264.239.149
Ông Nguyễn Tiến Hân	103.405.500	114.895.000
Bà Lê Kim Anh	680.283.334	705.283.334
Ông Nguyễn Quang Hưng	1.116.200.000	-
Lãi cho vay	1.545.897.807	115.923.288
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	1.487.267.671	115.923.288
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	58.630.136	-
Lãi đi vay	-	42.886.666
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	42.886.666
Cho vay	1.943.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	943.500.000	-
Đi vay	600.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	600.000.000	-
Bà Trần Thị Diệu	-	750.000.000
Trả tiền vay	-	750.000.000
Bà Trần Thị Diệu	-	750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/9/2025
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	1.476.378.510	1.280.199.577
Ông Nguyễn Quang Huân	1.328.735.931	1.198.978.261
Ông Nguyễn Việt Dũng	87.642.579	81.221.316
Ông Nguyễn Văn Lâm	60.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc	416.000.001	1.311.584.357
Ông Phạm Minh Tuấn	416.000.001	415.863.637
Bà Hà Thị Thu Hương - Miễn nhiệm ngày 05/01/2026	-	456.431.514
Ông Đỗ Tiến Anh - Miễn nhiệm ngày 12/3/2026	-	439.289.206
Thù lao Ban Kiểm soát	99.999.996	100.040.000
Bà Bùi Thị Xuyên	90.000.000	90.000.000
Bà Trần Thị Minh Huệ - Miễn nhiệm ngày 25/6/2026	4.999.998	5.020.000
Ông Nguyễn Đức Quyết - Miễn nhiệm ngày 25/6/2026	4.999.998	5.020.000
Những người quản lý khác (Bao gồm: thu nhập của Kế toán trưởng, thu nhập của Giám đốc các phòng ban, lương của Ban kiểm soát)	1.745.841.491	2.095.714.509
Cộng	3.738.219.998	4.787.538.443

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chi tiền mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ bao gồm 9.760.817.760 VND là số tiền thanh toán cho nhà cung cấp chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh các năm trước. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Hòa Bình số HB/HALCOM-2017 ngày 21/9/2017, thuê văn phòng tại Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội với diện tích 386 m², mục đích thuê làm văn phòng Công ty. Theo thỏa thuận gia hạn thuê văn phòng số HB/HALCOM-2024 ngày 25/10/2024, thời gian thuê đến ngày 09/11/2027, đơn giá thuê từ ngày 10/11/2025 đến ngày 09/11/2027 là 445.672 VND/m²/tháng.

Hợp đồng thuê nhà giữa Công ty và Ông Nguyễn Trí Phương số 905/2025/HĐ/HAL-QLĐT ngày 05/9/2025, địa chỉ thuê là 55 Trần Văn Trà, Hưng Phú, Cần Thơ, diện tích thuê (đất 92,5 m², mặt sàn 242,3 m²), đơn giá thuê từ ngày 05/9/2025 đến ngày 04/9/2026 là 13.000.000 VND/tháng, từ ngày 05/9/2026 đến ngày 05/9/2027 là 13.500.000 VND/tháng, mục đích thuê làm văn phòng đại diện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét; do khác biệt về kỳ kế toán nên số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ hiện tại. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 99/2025/TT-BTC và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Trình bày lại/ Phân loại lại	Số sau trình bày lại/ phân loại lại	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Báo cáo tình hình tài chính				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	19.700.000.000	(19.700.000.000)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	20.196.742.466	20.196.742.466	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	39.371.432.665	(496.742.466)	38.874.690.199	(i)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	224.179.138.506	(8.037.482.721)	216.141.655.785	(ii)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	528.036.635	8.037.482.721	8.565.519.356	(ii)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	(109.205.292.668)	(6.860.553.434)	(116.065.846.102)	(iii)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	141.219.249.339	92.340.000.000	233.559.249.339	(i) (ii)
Phải trả dài hạn khác	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	(i)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	79.496.843.131	7.660.000.000	87.156.843.131	(ii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	(2.638.116.212)	(6.860.553.434)	(9.498.669.646)	(iii)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại theo điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 99/2025/TT-BTC.
- (ii) Phân loại lại chi phí giải phóng mặt bằng và khoản vay dài hạn đến hạn trả.
- (iii) Điều chỉnh hồi tố dự phòng khoản đầu tư vào đơn vị khác dài hạn do một số Công ty con điều chỉnh hồi tố số liệu năm trước.

Tô Thị Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026